

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 36

GIẢI THÍCH PHẨM BA: TẬP TƯƠNG ỨNG

Phần 2

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Làm sao Bồ-tát ma-ha-tát vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật mà trú ở địa vị bất thối, thanh tịnh Phật đạo?

LUẬN: Hỏi: Xá-lợi-phất vì nhân gì mà hỏi điều ấy?

Đáp: Trên kia Xá-lợi-phất hỏi về các trí không khác nhau, Phật đã dùng các thí dụ chỉ rõ trí Bồ-tát hơn, ý đã hiểu rồi, nay hỏi làm sao Bồ-tát có thể vượt quá nhị thừa mà trú địa vị bất thối, thanh tịnh Phật đạo.

Hỏi: Tiểu thừa không có khả năng thành Phật, cơ sao hỏi việc thanh tịnh Phật đạo?

Đáp: Xá-lợi-phất là vị tướng theo Phật Chuyển pháp luân, tuy tự mình không lợi ích, mà vì lợi ích cho chúng sanh cầu Phật đạo nên hỏi.

Lại vì Bồ-tát đại bi làm nhiều lợi ích, thế nên hỏi việc của Bồ-tát, để lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, Xá-lợi-phất mong nhờ Phật ân mà phá các tà kiến, được thành đạo quả, vì muốn báo ân nên hỏi việc Bồ-tát.

Lại Xá-lợi-phất đã cùng tận bờ mé của địa vị Thanh văn, điều chưa hiểu là việc Bồ-tát, thế nên lại hỏi.

Lại vì pháp Bồ-tát rất sâu vi diệu, tuy không thể được song vì ưa thích nên hỏi, thí như người thấy báu đẹp mình tuy không có mà ưa thích nên hỏi.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, trú pháp không, vô tướng, vô tác, đã vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật, mà trú địa vị bất thối chuyển, thanh tịnh Phật đạo.

LUẬN: Hỏi: Ba việc ấy, ở trong phẩm sau nói đều có nhân duyên, sao nay Phật nhập chung lại nói?

Đáp: Trong đây lược nói, sau sẽ nói rộng nhân duyên của ba việc.

Lại nay, chỉ nói nhân duyên của không, vô tướng, vô tác, sau sẽ nói các công đức, cho nên hợp ba sự mà nói.

Hỏi: Vào ba môn giải thoát thời đến Niết-bàn, sao nay cho không, vô tướng, vô tác có thể vượt quá địa vị Thanh văn, Bích-chi Phật?

Đáp: Vì không có lực phương tiện nên vào ba môn giải thoát là thẳng đến Niết-bàn. Nếu có lực phương tiện thì trí ba môn giải thoát, thấy Niết-bàn, vì tâm từ bi, nên chuyển tâm khởi trở lại, như trong phẩm sau nói, ví như ngựa mặt bắn hư không, mỗi mũi tên dính nhau, không cho rơi xuống đất. Bồ-tát cũng như vậy, lấy mũi tên trí tuệ ngược bắn hư không “Ba giải thoát”, do lực phương tiện, mũi tên sau bắn mũi tên trước, không cho rơi xuống đất “Niết-bàn”. Vị Bồ-tát ấy tuy thấy Niết-bàn mà đi thẳng qua không trụ lại, còn mong đại sự, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay là lúc đang quán, chứ chẳng phải lúc chứng, như vậy nên nói rộng. Nếu quá hai địa vị ấy, biết các pháp chẳng sanh chẳng diệt, tức là địa vị bất thối chuyển. Trụ ở địa vị bất thối chuyển, giáo hóa chẳng sanh thanh tịnh Phật độ, ấy là có thể thanh tịnh Phật đạo.

Lại nữa, Bồ-tát trú ở ba môn giải thoát, quán Tứ đế biết đó là pháp Thanh văn, Bích-chi Phật. Thẳng qua Tứ đế, vào Nhất đế, đó là hết thấy pháp chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng đến chẳng đi... Vào trong Nhất đế ấy, gọi là địa vị bất thối chuyển. Trụ ở địa vị bất thối chuyển, thanh tịnh Phật đạo, diệt trừ nghiệp thô ác nơi thân, miệng, ý, và diệt những việc đã sai lầm từ đầu đến nay đối với các pháp, ấy gọi là thanh tịnh địa vị Phật đạo.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bồ-tát ma-ha-tát, trú địa vị nào có thể làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật?

LUẬN: Xá-lợi-phất thâm tâm cung kính Bồ-tát, nên nay hỏi Bồ-tát chưa hết lậu kiết, trú công đức nào, mà có thể làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, cho đến khi ngồi đạo tràng, ở khoảng trung gian ấy, thường làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật.

LUẬN: Phật lấy nghĩa này khai thị Xá-lợi-phất: tuy ba môn giải thoát và Niết-bàn đồng nhau, mà Bồ-tát có tâm đại từ bi, còn Thanh văn, Bích-chi Phật thì không. Bồ-tát từ khi mới phát tâm hành sáu Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp không chung, đều muốn độ hết thấy chúng sanh,

đầy đủ hết thấy Phật pháp, cho nên hơn.

KINH: Vì cố sao? Vì nhờ có nhân duyên của Bồ-tát ma-ha-tát, nên các thiện pháp thế gian được phát sanh.

LUẬN: Trước Phật đã lấy một nhân duyên lợi ích mà hành các hạnh, nên làm ruộng phước cho Thanh văn, Bích-chi Phật, nay nói nhờ có Bồ-tát làm nhân duyên lợi ích bên ngoài, nên thế gian mới có được hết thấy pháp lành. Vì cố sao? Vì Bồ-tát phát tâm, tuy khi chưa thành Phật, song đã khiến chúng sanh khả độ, trú vào ba thừa đạo, nếu không trú được ba thừa, thì khiến trú mười thiện đạo, hưởng gì khi thành Phật.

Hỏi: Do nhân duyên của Thanh văn, Bích-chi Phật cũng khiến thế gian có được pháp lành, cố sao chỉ nói Bồ-tát mới có thể khiến chúng sanh có được pháp lành?

Đáp: Nhân Thanh văn, Bích-chi Phật mà thế gian có được pháp lành cũng đều do Bồ-tát nên có, nếu Bồ-tát không phát tâm, thế gian không có Phật đạo, hưởng gì Thanh văn, Bích-chi Phật. Phật đạo là gốc căn bản của Thanh văn, Bích-chi Phật.

Lại nữa, tuy nhân Thanh văn, Bích-chi Phật mà có một ít pháp lành, nhưng vì ít nên không nói. Thanh văn, Bích-chi Phật còn không nói đến, huống gì nói đến các thầy ngoại đạo.

KINH: Những gì là pháp lành? Đó là Mười thiện đạo, Năm giới, Tám phần trai giới, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Bốn định vô sắc, Bốn chỗ niệm tưởng, Bốn siêng năng chính, Bốn thân tức như ý, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám phần thánh đạo, đều xuất hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát mà Sáu Ba-la-mật Mười tám không, Mười lực của Phật, Bốn việc không sợ, Bốn trí vô ngại, Mười tám pháp không chung, Đại từ Đại bi, Trí nhất thiết chủng, đều hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát nên có dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi hữu tướng phi vô tướng, đều xuất hiện ở đời.

Do nhân duyên của Bồ-tát nên có Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật đều xuất hiện ở đời.

LUẬN: Hỏi: Do nhân duyên của Bồ-tát nên có pháp lành hiện ở đời thì có thể như vậy, còn dòng lớn Sát-lợi, dòng lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ, nếu đời không có Bồ-tát cũng vẫn có các quý tộc này, cố sao nói đều từ Bồ-tát phát sanh?

Đáp: Do nhân duyên của Bồ-tát, thế gian có Năm giới, Mười thiện, Tám trai giới... pháp ấy có thượng, trung, hạ. Thượng thì đắc đạo, trung thì sanh cõi trời, hạ thì sanh cõi người, nên mới có dòng lớn Sát-lợi, dòng

lớn Bà-la-môn, đại gia cư sĩ.

Hỏi: Nếu đời không có Bồ-tát, thế gian cũng có Năm giới, Mười thiện, Tám trai giới, dòng lớn Sát-lợi... ?

Đáp: Bồ-tát thọ thân nhiều cách, hoặc có khi thọ thân theo nghiệp nhân duyên, hoặc thọ thân biến hóa, ở thế gian giáo hóa, nói các thiện pháp, và pháp thế giới, pháp vua, pháp thế tục, pháp xuất gia, pháp tại gia, pháp chủng loại, pháp cư gia. Thượng xót chúng sanh, hộ trì thế giới, tuy không có pháp Bồ-tát, mà thường thực hành pháp thế gian. Vì nhân duyên ấy, nên nói đều từ Bồ-tát mà có.

Hỏi: Bồ-tát thanh tịnh, hành đại từ bi, cố sao nói xen các pháp thế tục?

Đáp: Có hai hạng Bồ-tát: 1. Hành từ bi thẳng vào Bồ-tát đạo. 2. Bại hoại Bồ-tát cũng có bi tâm, sửa trị theo phép nước, không chút tham lợi; tuy có làm điều phiền nhiễu, nhưng làm điều an ổn nhiều hơn. Trị một người ác, để thành một nhà, người lập pháp như vậy, tuy không gọi là thanh tịnh Bồ-tát, mà được gọi là bại hoại Bồ-tát. Vì nhân duyên ấy, nên nói đều do Bồ-tát mà có.

Người giàu sang ở thế gian, đều từ nhĩ thừa đạo mà có; nhĩ thừa đạo từ Phật mà có; Phật nhân Bồ-tát mà có. Nếu không có Bồ-tát nói pháp lành thì thế gian không có đạo trời, đạo người, đạo A-tu-la, không có thọ vui, không có thọ không khổ không vui, chỉ có thọ khổ, thường có tiếng địa ngục kêu khóc. Bồ-tát có lợi ích lớn như vậy, cố sao không gọi là làm phước điền cho thế gian?

Xá-lợi-phất nghe Bồ-tát có công đức lớn cần nên cúng dường, tâm nghĩ rằng: Bồ-tát tuy có công đức lớn, mà phiền não chưa hết, không thể tiêu hóa sự cúng dường ấy? Ví như người tuy ăn đồ ngon mà bên trong có bệnh, nên không thể tiêu hóa. Vì vậy nên:

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bồ-tát ma-ha-tát có báo đáp đầy đủ ân thí chủ chăng?

Phật dạy: Không. Vì sao? Vì vốn đã báo đáp đầy đủ rồi.

LUẬN: Vì Bồ-tát từ khi mới phát tâm đã là bậc thượng thủ cho hết thấy chúng sanh cúng dường. Vì cố sao? Vì tâm quyết định chịu thay khổ nhọc cho vô lượng vô số chúng sanh. Lại lợi ích vô lượng vô số chúng sanh khiến được độ thoát; muốn lấy sức đại trí tuệ về hết thấy Phật pháp làm cho thế gian tức là Niết-bàn. Có các nhân duyên như vậy, nên nói vốn đã báo đáp đầy đủ.

Lại nữa, Phật nói lại nhân duyên tiêu hóa ân bố thí như:

KINH: Nay Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát là đại thí chủ. Thí những

gì? Thí các pháp lành. Những pháp lành gì? Mười thiện đạo, Năm giới cho đến Mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng; lấy các pháp ấy thí cho.

LUẬN: Trước nói do nhân duyên của Bồ-tát mà thế gian có pháp lành, nay nói Bồ-tát là vị chủ thí pháp lành, đó là chỗ sai khác.

KINH: Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ-tát ma-ha-tát làm thế nào tu tập tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật, cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng?

LUẬN: Trên kia nói một ngày tu Bát-nhã Ba-la-mật, thắng hơn Thanh văn, Bích-chi Phật. Từ nhân duyên ấy, Phật mỗi mỗi tán thán Bồ-tát có công đức lớn như vậy, đều từ Bát-nhã Ba-la-mật phát sanh. Thế cho nên nay hỏi làm thế nào Bồ-tát tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng?

Lại nữa, Xá-lợi-phất biết Bát-nhã Ba-la-mật khó tu khó đắc, như huyền như hóa, khó thọ trì được, sợ hành giả sai trái, nên hỏi tu tập tương ứng.

KINH: Phật bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ứng sắc không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ứng với nhãn không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với sắc không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với thanh, hương, vị, xúc, pháp không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với nhãn giới không, sắc giới không, nhãn thức giới không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với khổ không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với Tập, Diệt, Đạo không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với vô minh không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử không, ấy gọi là cùng với Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Tu tập tương ứng với hết thấy pháp không, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, ấy gọi là cùng với Bát-nhã

Ba-la-mật tương ứng.

LUẬN: Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sắc uẩn: là pháp có thể thấy, nhân duyên của sắc ấy cùng có thứ không thể thấy, có đối ngại. Có đối ngại tuy không thể thấy, cũng gọi là sắc. Như người đăc đạo gọi là đạo nhân. Các người khác xuất gia chưa đăc đạo, song nhân đăy mà đăc đạo, nên cũng gọi là đạo nhân.

Những sắc gì là có thể thấy? Một Sắc xứ là phần ít sắc có thể thấy có đối ngại, nhiếp vào một Sắc nhập. Chín xứ kia (thanh, hương, vị, xúc, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân xứ) và nghiệp vô tác, gọi là sắc không thể thấy.

Có đối ngại là mười xứ. Không có đối ngại chỉ là sắc vô tác. Phân biệt về sắc hữu lậu, vô lậu cũng như vậy.

Như Kinh nói: Sắc có ba thứ là thứ sắc có thể thấy có đối ngại, thứ sắc không thể thấy có đối ngại, thứ sắc không thể thấy không đối ngại. Thế nên biết chẳng phải chỉ vì mắt thấy gọi là sắc, mà mười xứ (mười nhập) trong ngoài có thể làm phát khởi năm thức đều gọi là sắc, nhân từ sắc phần ấy, sanh ra sắc vô tác.

Sắc lại có bốn thứ: sắc bên trong có giác thọ, không giác thọ; sắc bên ngoài có giác thọ, không giác thọ.

Lại có năm thứ sắc: đó là năm trần.

Lại có một thứ sắc, đó là tướng não hoại. Sắc thân chúng sanh gọi là tướng não hoại, sắc phi chúng sanh cũng gọi là sắc não hoại. Nhân duyên tướng não hoại nên cũng gọi là não; ví như có thân thì có khổ đối khát, lạnh, nóng, già bệnh, đao gậy...

Lại có hai thứ sắc: đó là bốn đại và sắc do bốn đại tạo ra: sắc trong, sắc ngoài; sắc có giác thọ, sắc không giác thọ; sắc hệ phược, sắc không hệ phược; có sắc làm sanh tội, có sắc làm sanh phước; nghiệp sắc, phi nghiệp sắc; sắc nghiệp, sắc quả, sắc nghiệp, sắc báo, sắc quả, sắc báo; sắc hữu phú vô ký, sắc vô phú vô ký; sắc có thể thấy, sắc không thể thấy, sắc có đối ngại, sắc không đối ngại; sắc hữu lậu, sắc vô lậu. Như vậy phân biệt hai thứ sắc.

Lại có ba thứ sắc; như trên đã nói, sắc có thể thấy, có đối ngại.

Lại có ba thứ sắc là sắc lành, sắc chẳng lành, sắc vô ký; sắc học, vô học, phi học phi vô học; sắc sanh ra, do thấy lý Tứ đế được đoạn hoặc; sắc sanh ra, do tư duy Tứ đế được đoạn hoặc; sắc sanh ra từ công đoạn hoặc.

Lại có ba thứ sắc: sắc hệ thuộc cõi Dục, sắc hệ thuộc cõi Sắc, sắc không hệ thuộc; có sắc hay sanh tham dục, có sắc hay sanh sân nhuế,

có sắc hay sanh ngu si. Sắc sanh ba kiết, ba lậu... cũng như vậy, có sắc sanh thiện căn không tham, thiện căn không sân, thiện căn không si. Ba thiện pháp như vậy nên nói rộng. Có sắc hay sanh pháp hữu phú vô ký, hay sanh pháp vô phú vô ký. Vô phú vô ký lại có hai là có thứ quả báo sanh, có thứ chẳng phải quả báo sanh.

Lại có bốn thứ sắc, như đã nói trong mục thọ và chẳng thọ trên kia. Bốn đại và tạo sắc ba thứ thiện, bất thiện vô ký. Tác sắc và vô tác sắc của thân nghiệp, tác sắc và vô tác sắc của khẩu nghiệp. Thọ sắc (khi thọ giới được sắc luật nghi); chỉ sắc (ngưng các pháp bất thiện); dụng sắc (như chẳng Tăng thọ dụng vật bố thí), bất dụng sắc (vật không thọ dụng), như vậy là bốn thứ sắc.

Lại có năm thứ sắc là tác vô tác sắc của thân, tác vô tác sắc của miệng và phi nghiệp sắc; năm căn, năm trần, thô sắc, động sắc, ảnh sắc, tượng sắc, cuống sắc.

Thô sắc là sắc có thể thấy có thể nghe, có thể ngửi, có thể nếm, có thể chạm, như đất đá...

Động sắc có hai thứ là chúng sanh động tác và phi chúng sanh động tác; như nước lửa, gió động tác. Đất nương nơi vật khác nên động, dưới có gió lớn động nước, nước động đất, gió động cây, có thứ tự rung động như đá nam châm hút sắt, như chân châu, ngọc, xa cừ, mã não, ban đêm có thể tự đi. Đều do chúng sanh phước đức đời trước, nhân duyên của nghiệp không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Ảnh sắc, tượng sắc, không nên nói riêng. Vì sao? Vì tượng do mắt, ánh sáng, soi gương sạch nên phản ảnh tự soi thấy. Ảnh cũng như vậy, ngăn ánh sáng nên ảnh hiện ra, không có pháp riêng khác?

Đáp: Việc ấy không đúng, như trong dầu thấy tượng đen, thì chẳng phải là bốn sắc; như nơi lưỡi dao năm thước, soi ngang thì thấy tượng mặt mình rộng, soi dọc thì thấy tượng mặt mình dài, thì chẳng phải là cái mặt vốn có, như những vết trong thủy tinh đại tần, trong mỗi vết đều có tượng mặt mình, thì chẳng phải là một tượng mặt, vì nhân duyên ấy, chẳng trở lại thấy được bốn tượng.

Lại nữa, có gương, có người soi, có người cầm, có ánh sáng, đủ các nhân duyên như vậy hòa hợp nên có tượng hiện ra, nếu các duyên không đủ thì tượng không hiện. Tượng ấy cũng chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng ở trong nhân duyên. Như vậy tự riêng có pháp chẳng phải là mặt. Sắc vi tế ấy, cách sanh ra như vậy, chẳng đồng với thô sắc, như nhân lửa có khói, lửa tắt khói còn.

Hỏi: Nếu như vậy, không nên nói riêng ảnh, vì đồng là sắc vi tế?

Đáp: Tượng trong gương có các sắc, còn ảnh thì chỉ một sắc (sắc tối) cho nên không đồng. Hai thứ ấy tuy đều động theo hình, hình và chất mỗi bên khác nhau. Ảnh từ ngăn ánh sáng mà hiện, tượng thì từ các nhân duyên sanh, tuy đồng là sắc vi tế, song mỗi mỗi khác nhau.

Cường sắc là như ráng nắng, như huyền như hóa, như thành Càn-thát-bà... ở xa đối gạt mắt người thấy có, đến gần thì không có.

Như vậy vô lượng các thứ sắc, gọi chung là sắc uẩn.

Thọ uẩn: Nhân bên trong có mắt, bên ngoài duyên sắc, nghĩ muốn thấy, có ánh sáng, có khoảng trống, sắc ở chỗ có thể thấy, do các nhân duyên như vậy phát sanh nhãn thức. Do nhân duyên trên hòa hợp với thức nên từ trong thức sanh ra tâm số pháp, gọi là xúc. Xúc này là căn bản của hết thấy tâm số pháp, có ba uẩn cùng sanh, đó là thọ, tưởng, hành.

Hỏi: Trong nhãn thức cũng có xúc và ba uẩn, cớ sao nói xúc làm nhân duyên sanh ba uẩn?

Đáp: Đây luận về hiện tại xúc làm nhân duyên sanh ba uẩn, chứ không phải nhân duyên cho mắt thấy.

Hỏi: Nhân tâm tâm số pháp sanh ra ba uẩn, cớ sao chỉ nói xúc?

Đáp: Nhãn thức trụ trong giây lát liền diệt, sanh ý thức vi tế không rõ ràng, cho nên không nói sanh ba uẩn, chỉ nói từ xúc sanh: như sắc pháp từ nhân duyên hòa hợp sanh, tâm số pháp cũng như vậy, từ xúc pháp hòa hợp sanh. Như sắc pháp từ hòa hợp sanh, không hòa hợp thì không sanh, tâm số pháp cũng như vậy, có xúc thì sanh, không xúc thì không sanh.

Thọ uẩn này một thứ, đó là tướng thọ.

Lại có hai thọ là thân thọ, tâm thọ; nội thọ, ngoại thọ; thô tế; xa gần; tịnh, bất tịnh...

Lại nữa, có ba thứ thọ là khổ, vui, không khổ không vui; thiện, bất thiện, vô ký; học, vô học, phi học phi vô học; lậu hoặc được đoạn do thấy Tứ đế, lậu hoặc được đoạn do tư duy Tứ đế, chẳng đoạn; nhân thấy đế đoạn lậu hoặc sanh thọ, nhân tư duy đoạn lậu hoặc sanh thọ, nhân chẳng đoạn lậu hoặc sanh thọ; hoặc nhân thân kiến sanh, không trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc nhân thân kiến sanh, trở lại làm nhân cho thân kiến; hoặc không nhân thân kiến sanh không trở lại làm nhân cho thân kiến.

Lại có ba thọ là thọ hệ thuộc cõi Dục; hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại có bốn thọ là thọ trong thân, thọ ngoài thân, thọ trong tâm, thọ

ngoài tâm.

Thọ tương ứng với bốn chánh căn, bốn như ý túc... và thọ tương ứng với bốn lưu, bốn phược... ấy gọi là bốn thứ thọ.

Lại có năm thọ là lạc căn, khổ căn, ưu căn, hỷ căn, xả căn, thọ tương ứng với thấy khổ dứt lậu hoặc, cho đến thọ tương ứng với tư duy dứt lậu hoặc. Thọ tương ứng với năm triền cái, năm kiết các phiền não... cũng như vậy.

Lại có sáu thọ là thọ tương ứng với sáu thức. Thọ tương ứng với ý thức phân biệt có mười tám là mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh hỷ, mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh ưu, mắt thấy sắc tâm tư duy phân biệt sanh xả, cho đến ý thức cũng như vậy. Trong mười tám thọ đó, có sạch có nhớ, thành ba mươi sáu. Ba đời đều có ba mươi sáu thành một trăm lẻ tám.

Các nhân duyên như vậy phân biệt nghĩa của thọ có vô lượng, gọi là thọ tuần.

Tướng uẩn: Tương ứng hành uẩn, thức uẩn cũng phân biệt như vậy. Vì cố sao? Vì cùng với thọ tương ứng.

Lại nữa, Phật dạy có bốn tướng là tiểu tướng, đại tướng, vô lượng tướng, vô sở hữu tướng.

Tiểu tướng là giác tri tiểu pháp, như nói tiểu pháp là tiểu dục, tiểu tín, tiểu sắc, tiểu duyên tướng, gọi là tiểu tướng.

Lại nữa, tướng hệ thuộc cõi Dục là tiểu, hệ thuộc cõi Sắc là đại, hệ thuộc ba cõi Vô sắc là vô lượng tướng, hệ thuộc Vô sở hữu xứ, gọi là Vô sở hữu tướng.

Lại nữa, tướng tương ứng phiền não gọi là tiểu tướng, vì bị phiền não ngăn che, tướng hữu lậu vô cấu gọi là đại tướng, tướng thật tướng các pháp, gọi là vô sở hữu tướng. Tướng vô lậu gọi là vô lượng tướng, vì pháp Niết-bàn là vô lượng vậy.

Lại nữa, Phật dạy có sáu tướng là nhãn xúc tương ứng sanh tướng, cho đến ý xúc tương ứng sanh tướng.

Hành uẩn: Phật có khi nói hết thấy pháp hữu vi là hành, hoặc nói ba hành là thân hành, khẩu hành, ý hành. Thân hành là hơi thở ra vào, vì hơi thở thuộc thân. Khẩu hành là giác quan, vì trước giác quan vậy sau mới nói năng. Ý hành là thọ, tưởng; vì tâm thủ tướng thọ khổ vui phát khởi, ấy gọi là ý hành.

Tâm số pháp có hai thứ: 1. Thuộc kiến 2. Thuộc ái. Thuộc ái làm chủ gọi là thọ, thuộc kiến làm chủ gọi là tướng. Vì vậy nên nói hai pháp ấy là ý hành.

Phật có khi nói ba hành là phước hành, tội hành, bất động hành, trong mười hai nhân duyên gọi là hành uẩn. Phước hành là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, tội hành là nghiệp bất thiện; bất động hành, nghiệp hệ thuộc cõi Sắc cõi Vô sắc.

Theo A-tỳ-đàm thì trừ thọ và tưởng, các tâm số pháp khác, và vô tưởng định, diệt tận định, tâm bất tương ưng hành pháp, ấy gọi là hành uẩn.

Thức uẩn: Sáu nhập trong ngoài hòa hợp sanh sáu giác tri, gọi là thức. Vì sức nội duyên lớn, nên gọi là nhãn thức, cho đến gọi là ý thức.

Hỏi: Ý tức là thức, cố sao vì sức của ý duyên nên sanh ý thức?

Đáp: Ý, vì là tướng sanh diệt, vì phần nhiều nhân nơi ý đã sanh trước, nên duyên pháp phát sanh ý thức.

Hỏi: Ý trước đã diệt, làm sao có thể sanh thức sau?

Đáp: Ý có hai thứ: 1. Niệm niệm diệt. 2. Tâm tương tục gọi là một. Vì tâm tương tục ấy nên các tâm gọi là một ý. Thế nên nương ý mà sanh thức, không lỗi.

Ý thức khó hiểu, cho nên chín mươi thứ ngoại đạo, không nói nương ý sanh thức, chỉ nói nương ngã sanh thức.

Năm uẩn này đã nói rộng trong chương Bốn chỗ niệm tưởng. Chỗ thân niệm tưởng nói sắc uẩn, chỗ thọ niệm tưởng nói thọ uẩn, chỗ tâm niệm tưởng nói thức uẩn, chỗ pháp niệm tưởng nói tưởng uẩn, hành uẩn.

Hỏi: Không nên có năm uẩn, chỉ nên có sắc uẩn, thức uẩn. Thức uẩn theo lúc phân biệt nên có tên khác gọi là thọ, tưởng, hành; như thức bất tịnh gọi là phiền não, thức thanh tịnh gọi là pháp lành?

Đáp: Không đúng! Vì cố sao? Vì nếu tên khác thì thật cũng khác, nếu thật pháp không khác thì tên chẳng nên khác. Nếu chỉ có tâm mà không có tâm số pháp thì không nên có như có sạch; ví như nước ao trong sạch, voi điên vào làm cho vẩn đục, nếu bỏ ngọc thanh thủy vào, nước liền trong sạch. Không được nói ngoài nước không voi không ngọc. Tâm cũng như vậy. Phiền não vào làm cho tâm đục, thiện pháp từ bi vào làm cho tâm trong. Vì vậy không được nói phiền não, từ bi chính là tâm.

Hỏi: Ông không nghe trước tôi nói, tâm như là phiền não, tâm sạch là pháp lành?

Đáp: Nếu tâm như làm sao thú lớp sanh ra tâm sạch? Tâm sạch làm sao thú lớp sanh ra tâm như? Vì vậy nên việc ấy không đúng. Ông chỉ biết việc thô hiện mà không biết tâm số pháp. Không thể vì không biết bèn cho là không. Thế nên biết chắc chắn có năm uẩn.

Hỏi: Nếu có, cỡ sao không nhiều hơn hoặc không ít hơn, chỉ nói có năm?

Đáp: Các pháp đều có giới hạn nhất định, như bàn tay có năm ngón, không được đòi nó nhiều hơn hoặc ít hơn.

Lại nữa, pháp hữu vi tuy có vô lượng, Phật phân phán làm năm phần là gom hết.

Hỏi: Nếu như vậy, cỡ sao còn nói mười hai nhập, mười tám giới?

Đáp: Các nghĩa phải như vậy, nhập và giới nghĩa khác nhau, Phật là vua pháp, vì chúng sanh nên có khi nói lược, có khi nói rộng. Có chúng sanh đối với sắc và thức không mê lắm nhiều mà đối với tâm số pháp thì mê lắm nhiều, nên Phật dạy năm uẩn; có chúng sanh đối với tâm tâm số pháp không sanh mê lắm; chỉ mê lắm sắc; vì chúng sanh ấy Phật dạy sắc làm mười xứ, tâm tâm số pháp nói chung làm hai xứ (thập nhị xứ). Có chúng sanh đối với tâm số pháp mê lắm ít mà lại không hiểu sắc tâm; vì chúng sanh này Phật dạy tâm số pháp làm một giới, sắc và tâm làm mười bảy giới. Hoặc có chúng sanh không biết thế gian đau khổ sanh diệt, không biết con đường lìa khổ, vì chúng sanh này, Phật dạy Bốn đế là: thế gian và thân đều là khổ, phiền não ái... là khổ nhân, phiền não diệt là khổ diệt, phương tiện diệt phiền não ấy là đạo. Hoặc có chúng sanh đăm trước tôi, ta, đối với các pháp sanh tà kiến chấp tướng một, khác, hoặc nói thế gian không nhân không duyên, hoặc đọa vào tà nhân duyên; vì chúng sanh này Phật dạy mười hai nhân duyên.

Có người nói: Pháp thường hoặc nói thần ngã thường, hoặc nói hết thủy pháp thường, chỉ khi diệt thì nó ẩn tàng vi tế, chứ không mất. Nếu gặp nhân duyên hội hợp liền xuất hiện trở lại, chứ không phải pháp khác, vì hạng người ấy, Phật dạy hết thủy pháp hữu vi đều là pháp tạo tác, không có thường hằng nhất định, ví như người gỗ, do các máy móc, thanh gỗ hòa hợp nên có thể động tác, chứ không có sự thật; ấy gọi là pháp hữu vi.

Hỏi: Trong đây nói năm uẩn, có thứ lớp gì?

Đáp: Hành giả mới đầu tập quán pháp, trước hết quán pháp thô, biết thân có các hoạn nạn như bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã. Chúng sanh sở dĩ mê đăm thân này vì nó sanh vui. Quán kỹ cái vui ấy thấy có vô lượng khổ thường theo dõi. Cái vui ấy cũng vô thường, khổ, vô ngã.

Trong sáu trần có vô lượng khổ, tại sao chúng sanh mê đăm? Vì chúng sanh chấp thủ tướng nên mê đăm. Như thân người, có hạng người thiên về chấp có có thể khi mạng chung, chấp thủ theo tướng chết thọ

khổ vui, phát động sanh ra các ý hành... khi tâm hành phát động, thức biết phương tiện là khổ được vui, ấy là thức (tâm).

Lại nữa, chúng sanh do năm dục nên thọ khổ vui. Do chấp thủ tướng nên nhiễm đắm cái vui ấy, vì nhiễm đắm cái vui ấy, nên hoặc khởi lên ba độc, hoặc ba thiện căn, ấy gọi là hành. Thức là chủ, thọ dụng việc trên ấy.

Năm dục tức là sắc, sắc là căn bản; nên đầu hết nói sắc uẩn. Các uẩn khác thứ lớp có tên riêng. Các pháp mười hai nhập, mười tám giới đều do năm uẩn thứ lớp có. Chỉ riêng trong pháp nhập, pháp giới tăng thêm pháp vô vi. Trong Tứ đế tăng thêm trí duyên diệt (trạch diệt vô vi). Mười hai nhập, mười tám giới, cho đến pháp hữu vi, vô vi, như trên nói.

Các pháp năm uẩn... đều là không, vì thánh chủ nói vậy. Thánh có ba bậc hạ, trung, thượng. Phật là chủ; như mặt trời là nhất giữa trăng sao, vì ánh sáng lớn. Phật được trí tuệ nhất thiết, cho nên gọi là thánh chủ. Điều thánh chủ nói nên phải là thật.

Lại nữa, vì mười tám không, nên hết thấy pháp không, hoặc dùng tánh không là có thể không hết thấy pháp, hưởng gì mười tám? Hoặc dùng nội không, ngoại không là có thể không hết thấy pháp, hưởng gì mười tám.

Lại nữa, hoặc có pháp chẳng không, nên phải có hai thứ là sắc pháp, phi sắc pháp. Sắc pháp thì phân biệt phá hoại cho đến vi trần, phân biệt vi trần cũng không thể có được, cuối cùng đều không. Phi sắc pháp thì niệm niệm sanh diệt cho nên không, như đã nói trong chương Bốn chỗ niệm tướng (Tứ niệm xứ).

Lại nữa, các pháp tánh không, chỉ có danh tự; nhân duyên hòa hợp cho nên có danh tự. Như núi sông, cây cỏ, đất đai, nhân dân, châu quận, thành ấp hợp lại gọi là nước; làng xóm, chợ búa, nhà quán, cung điện hợp lại gọi là đô; kèo cột, rui mè, ngói tre, vách đá, hợp là gọi là điện; phần trên giữa dưới hợp lại gọi là trụ; từng tấm hợp lại nên có tên phần, các thể hợp lại nên gọi là tấm; các mảnh nhỏ hợp lại nên gọi là thể. Các vi trần ấy có lớn, có vừa, có nhỏ. Lớn là bụi bay có thể thấy; vừa thời Chư thiên thấy; nhỏ thì Thiên nhân bậc thượng thánh thấy được, Tuệ nhân trông vào thì không thấy gì. Vì cơ sao? Vì tánh nó thật không. Nếu vi trần thật có tức là thường, không thể phân rã, không thể hủy hoại, lửa không đốt được, nước không chìm được.

Lại nữa, nếu vi trần có hình, không hình, cả hai đều có lỗi. Nếu vô hình thì làm sao gọi là sắc; nếu có hình thì có phần vị giữa hư không, cũng có đủ mười phần theo mười phương; nếu có đủ mười phần theo

mười phương thì không gọi là vi trần. Trong Phật pháp, sắc thường là không có xa, gần, thô, tế.

Lại nữa, lia các nhân duyên danh tự thì không có pháp. Trừ các nhân duyên danh tự núi sông, đất đai thì không có tên nước; trừ nhân duyên danh tự làng xóm, đường ngõ, thì không có tên đô, trừ nhân duyên danh tự kèo cột, tre ngói, thì không có tên điện; trừ nhân duyên danh tự ba phần trên giữa dưới của trụ thì không có tên trụ; trừ nhân duyên danh tự tấm mảnh thì không có phần; trừ nhân duyên danh tự thẻ, thì không có tên tấm, mảnh; trừ nhân duyên danh tự các vi trần nhỏ, thì không có tên thẻ; trừ danh tự các vi trần vừa, thì không có vi trần lớn; trừ danh tự vi trần nhỏ, thì không có vi trần vừa, trừ Thiên nhãn vọng thấy thì không có tên vi trần nhỏ. Do các nghĩa như vậy biết các pháp chắc chắn không.

Hỏi: Nếu pháp rốt ráo không thì cơ sao có tên gọi?

Đáp: Tên gọi nếu là có, thì bị phá cùng với pháp, nếu là không thì không nên nạn hỏi. Tên gọi cùng với pháp không khác nhau, vì vậy nên biết hết thấy pháp không.

Lại nữa, hết thấy pháp thật không. Vì cơ sao? Vì nhất định không có một pháp, nên đều từ nhiều pháp hòa hợp sanh. Nếu không một pháp thì cũng không có nhiều. Ví như cây rễ, cành, nhánh, lá hòa hợp nên có giả danh cây. Nếu không có pháp cây, thì rễ cành nhánh lá hòa hợp cho cái gì. Nếu không hòa hợp thì không có một pháp, nếu không có một pháp thì cũng không có nhiều, vì đầu một sau mới nhiều.

Lại nữa, hết thấy sự quán sát, ngữ ngôn hý luận, đều không thật, thì hoặc thế gian thường cũng không đúng, thế gian vô thường cũng không đúng. Có chúng sanh, không chúng sanh, có biên không biên, có ngã, không ngã, các pháp thật, các pháp không, đều không đúng. Như trước đã nói ở trong các môn hý luận. Nếu các sự quán sát, hý luận đều không, cơ sao các pháp chẳng không?

Hỏi: Ông vừa nói các pháp thật, các pháp không, đều không đúng, nay cơ sao lại nói các pháp không?

Đáp: Có hai thứ không: 1. Nói danh tự không, thì chỉ phá chấp trước có, mà không phá không. 2. Lấy không phá có, cũng không có không. Như lúc tiểu kiếp diệt tận, thì có đao binh, tật dịch, cơ cấn, nhưng vẫn có người, vật, cầm thú, núi sông. Lúc đại kiếp đốt cháy, thì núi sông, cây cỏ, cho đến dưới Kim cương. đại thủy dưới đất cũng tiêu tận; lửa kiếp đã dứt, thì luồng gió giữ gìn nước cũng dứt, tất cả trống không: không còn sót gì. Không cũng như vậy, phá các pháp đều không, chỉ còn có Không tồn tại, mà chấp thủ nhiệm trước tướng không ấy.

Đại không là phá hết thủy pháp, Không lại cũng không. Vì vậy nên ông không nên nạn hỏi. Nếu dẹp bỏ các hý luận, làm sao chẳng không?

Các nhân duyên như vậy, nơi nơi nói không, nên biết hết thủy pháp không.

Tập tương ứng là tùy thuận Bát-nhã Ba-la-mật tu tập hành quán, không ngừng không nghỉ, ấy gọi là tập. Ví như đệ tử tùy thuận lời dạy của thầy, không trái ý thầy, ấy gọi là tương ứng. Như tướng Bát-nhã Ba-la-mật, Bồ-tát cũng tùy thuận tướng ấy dùng trí tuệ quán sát, có thể được, có thể thành tựu, không tăng không giảm, ấy gọi là tương ứng. Ví như hộp và nắp lớn nhỏ xứng hợp nhau. Tuy Bát-nhã Ba-la-mật diệt các quán pháp, nhưng vì lực trí tuệ, nên gọi là không gì không được. không gì không quán. Biết được như vậy, không đọa hai bên, ấy là cùng Bát-nhã tương ứng.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ứng tánh không, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Như vậy, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật tu tập tương ứng bầy không, đó là tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng.

LUẬN: Hỏi: Sao không nói trú mười tám không, chỉ nói trú bảy không, gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng?

Đáp: Trong Phật pháp, nói rộng là mười tám không, nói lược là bảy không, như nói pháp trợ đạo có ba mươi bảy phẩm, nói lược thời bảy giác phần.

Lại nữa, bảy không này phần nhiều dùng làm lợi ích chúng sanh, như đại không, vô thủ không; hoặc có khi chúng sanh khởi tà kiến ấy, nên vì họ nói.

Tánh không là hết thủy pháp tánh trước sau thường tự không, hướng gì hiện tại? Nhân duyên thường không, hướng gì quả báo?

Tự tướng không là các pháp tướng chung, tướng riêng, đều quán nó không, thì tâm xa lìa. Dùng hai không ấy, các pháp đều không, ấy gọi là “các pháp không”.

Tự tánh không nên có tướng, tướng không nên các pháp không, các pháp không nên lại không có gì được, ấy gọi là Bất khả đắc không.

Dùng bốn thứ không ấy phá hết thủy hữu pháp. Nếu cho hữu pháp là có lỗi vì có tướng, mà chấp thủ vô pháp, thế nên nói vô pháp không. Nếu cho vô pháp là sai quấy, trở lại muốn chấp thủ hữu pháp, thế nên nói hữu pháp không.

Trước nói bốn không, tuy phá hữu pháp, thì hành giả tâm lia hữu pháp mà tồn tại nơi vô, thế nên nói vô pháp không. Nếu nói vô pháp là quấy vì tâm không dựa vào đâu được, muốn trở lại tồn hữu, thế nên lược nói hữu pháp không, vì tâm tồn hữu mông vậy.

Vô pháp hữu pháp không là hành giả cho vô pháp không là quấy, tâm trở lại nghi hữu pháp, nếu tâm quán hữu, trở lại nghi vô pháp; thế nên quán hữu vô đều không, như quán nội ngoại không, vì vậy nên chỉ nói bảỵ không.

Hỏi: Ông nói biết hết thấy pháp không, diệt hết các quán, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng. Quán như vậy gọi là tương ứng, không quán như vậy thời không tương ứng. Phân biệt thị phi tức cũng là quán, cố sao nói diệt?

Đáp: Vì vậy nên Kinh nói:

KINH: Phạt bảo Xá-lợi-phất: Bồ-tát ma-ha-tát khi tu tập tương ứng bảỵ không, không thấy sắc hoặc tương ứng hoặc không tương ứng, không thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ứng hoặc không tương ứng; không thấy tướng sắc hoặc sanh hoặc diệt, không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc sanh hoặc diệt; không thấy tướng sắc hoặc sạch hoặc nhơ, không thấy tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc sạch hoặc nhơ.

LUẬN: Không thấy tướng sắc hoặc sanh hoặc diệt là, không thấy năm uẩn có sanh có diệt, nếu thấy có tướng sanh diệt tức là đọa vào đoạn diệt kiến; đọa vào đoạn diệt kiến thì không tội không phước; không tội không phước thì không khác gì cầm thú.

Không thấy sắc hoặc nhơ hoặc sạch là không thấy năm uẩn có trói có mở; nếu năm uẩn có tánh trói thì không có ai được giải thoát; nếu năm uẩn có tánh sạch, thì không có việc học đạo.

KINH: Không thấy sắc cùng thọ hợp, không thấy thọ cùng tướng hợp, không thấy tướng cùng hành hợp, không thấy hành cùng thức hợp, vì vậy không có pháp cùng pháp hợp, vì tánh nó không.

LUẬN: Tâm tâm số pháp vô hình, vô hình thì không có chỗ ở, vì vậy sắc không cùng thọ hợp, như bốn đạị và sắc do bốn đạị tạo, hai xúc (hữu hình) hòa hợp, còn trong tâm tâm số pháp không có xúc (hữu hình) nên không được hòa hợp.

Hỏi: Nếu như vậy sao nói thọ, tưởng, hành, thức không cùng hòa hợp?

Đáp: Trong đây Phật tự nói không có pháp cùng pháp hợp, vì hết thấy pháp tánh thường không. Nếu không có pháp cùng pháp hợp, thì cũng không có lia.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên:

KINH: Nay Xá-lợi-phất! Trong sắc không, không có sắc; trong thọ tưởng, hành, thức không, không có thức.

LUẬN: Vì cớ sao? Vì sắc với không trái nhau, nếu không đến thì diệt sắc, làm sao trong sắc không lại có sắc? Ví như trong nước không lửa, trong lửa không nước, vì tánh trái nhau.

Lại nữa, có người nói, sắc chẳng phải thật không, hành giả vào Không tam-muội thấy sắc là không, vì thế nên nói trong sắc không, hoàn toàn không có sắc. Trong thọ, tưởng, hành thức, không, cũng như vậy.

KINH: Nay Xá-lợi-phất! Sắc không nên không có tướng nào hoại, thọ không nên không có tướng lãnh thọ, tưởng không nên không có tướng biết, hành không nên không có tướng tạo tác, thức không nên không có tướng giác tri.

LUẬN: Hỏi: Nghĩa ấy có thứ lớp gì?

Đáp: Trước nói trong năm uẩn không, không có năm uẩn, trong đây nay nói về nhân duyên của nó. Năm uẩn, mỗi mỗi tự tướng không thể có được, nên nói trong năm uẩn không, không có năm uẩn.

KINH: Vì cớ sao? Xá-lợi-phất! Chẳng phải sắc khác không, chẳng phải không khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

LUẬN: Phật lại nói nhân duyên, nếu năm uẩn khác với không, thì trong không nên có năm uẩn, nay năm uẩn không khác không, không khác năm uẩn, năm uẩn tức là không, không tức là năm uẩn, vì vậy nên không chẳng phá năm uẩn. Vì cớ sao? Phật tự nói nhân duyên rằng:

KINH: Nay Xá-lợi-phất! Tướng không ấy của các pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm, pháp không ấy chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Thế nào trong không không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới cho đến không ý thức giới; không vô minh, cũng không vô minh hết; cho đến không già chết, cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo, cũng không trí cũng không đắc. Không Tu-đà-hoàn, không Tu-đà-hoàn quả; không Tư-đà-hàm, không Tư-đà-hàm quả; không A-na-hàm, không A-na-hàm quả; không A-la-hán, không A-la-hán quả; không Bích-chi Phật, không Bích-chi Phật đạo, không Phật, cũng không Phật đạo.

Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ứng như vậy, ấy gọi là

cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng.

LUẬN: Hỏi: Người đều biết trong không không có gì, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm, không hết thấy pháp. Cố sao Phật còn phân biệt nói năm uẩn mỗi mỗi đều không?

Đáp: Có người tuy tu tập không, mà tưởng trong không còn có các pháp, như người hành từ tâm, tuy không chúng sanh mà tưởng chúng sanh được vui, tự được vô lượng phước. Vì vậy nên Phật dạy các pháp tánh thường tự không, chứ chẳng phải do Không tam-muội nên làm cho các pháp không. Như nước tương lạnh, lửa làm nó nóng, nếu nói do Không tam-muội nên làm cho pháp không, việc ấy không đúng.

Trí là tám trí vô lậu (khổ pháp trí, tập pháp trí, diệt pháp trí, đạo pháp trí, khổ loại trí, tập loại trí, diệt loại trí, đạo loại trí - ND).

Đặc là được Thánh đạo từ sơ quả Tu-đà-hoàn, cho đến Phật đạo, trước đã nói rộng.

KINH: Nay Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bát-nhã Ba-la-mật hoặc tương ứng hoặc không tương ứng, không thấy Đàn Ba-la-mật, Thi-la Ba-la-mật, Sằn-đề Ba-la-mật, Tỳ-lê-gia Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, hoặc tương ứng hoặc không tương ứng; cũng không thấy sắc hoặc tương ứng hoặc không tương ứng; không thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ứng hoặc không tương ứng; không thấy nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn sắc thức giới cho đến ý pháp thức giới hoặc tương ứng hoặc không tương ứng; không thấy bốn chỗ niệm tưởng cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến Nhất thiết chủng trí hoặc tương ứng hoặc không tương ứng.

Như vậy, Xá-lợi-phất! Nên biết Bồ-tát ma-ha-tát cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng.

LUẬN: Bồ-tát ma-ha-tát được thật tướng các pháp, vào Bát-nhã Ba-la-mật, ngay nơi Bát-nhã Ba-la-mật không thấy tướng nhất định hoặc tương ứng hoặc không tương ứng, huống gì thấy các pháp khác.

Vì sao không thấy Bát-nhã tương ứng, không tương ứng? Không thấy hành như vậy là tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy không hành như vậy là không tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật. Như hành thường, lạc, ngã là không tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật, hành vô thường, khổ, vô ngã là tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật. Hoặc hành thật, là không tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật: hoặc hành không là tương ứng Bát-nhã ba-la-mật. Như hành hữu, vô là không tương ứng Bát-nhã ba-la-mật, hành phi hữu phi vô là tương ứng Bát-nhã Ba-la-mật. Trong Bát-nhã Ba-la-mật, đều không việc ấy, vì tướng Bát-nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Năm Ba-la-mật năm uẩn cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh thời có thể như vậy, còn năm Ba-la-mật kia và các pháp khác, làm sao thanh tịnh?

Đáp: Trước nói năm việc lìa Bát-nhã ba-la-mật, thì không gọi là Ba-la-mật, cùng Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp nên mới gọi là Ba-la-mật. Như trong phẩm tựa đầu kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: Sao gọi là Đản Ba-la-mật? Là không thấy người cho, không thấy người nhận, không thấy tài vật.

Năm uẩn là chỗ Bồ-tát quán, vì cùng Bát-nhã Ba-la-mật hòa hợp, rốt ráo thanh tịnh, nên không thấy tương ưng không tương ưng.

Mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên cũng như vậy. Các pháp ấy không có định tánh, không có định pháp, vì vậy nên không thấy hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Mười tám không, bốn chỗ niệm tưởng cho đến đại từ đại bi, trí nhất thiết chủng, không thấy hoặc tương ưng hoặc không tương ưng.

Hỏi: Bồ-tát ấy chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật, tại sao có ba mươi bảy đạo phẩm? Chưa được Phật đạo, tại sao có Mười lực, Bốn việc không sợ?

Đáp: Bồ-tát ấy chẳng phải Thanh văn, Bích-chi Phật song cũng quán pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật, vì muốn dùng đạo Thanh văn, Bích-chi Phật độ chúng sanh.

Lại có người nói: Hành đạo Thanh văn, Bích-chi Phật, chỉ không thủ chứng, như trong phẩm sau nói: Vào tam-muội không vô tướng, vô tác, Bồ-tát trú ba môn giải thoát, khởi niệm như vậy, nay là lúc quán, không phải lúc chứng.

Hoặc có Bồ-tát mới phát tâm, nghe Ba mươi phẩm pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật, đọc tụng, nhớ nghĩ, phân biệt đúng đắn, vì vậy nên nói Bồ-tát có Ba mươi bảy đạo phẩm. Có Mười lực của Phật... cũng như vậy.

Bồ-tát tự an trú trong Mười lực, Bốn việc không sợ, Mười tám pháp không chung của Bồ-tát. Khi an trú trong pháp ấy hoặc nghe, hoặc nhớ nghĩ, phân biệt Mười lực, Bốn việc không sợ, Mười tám pháp không chung thậm thâm vi diệu của Phật, cũng cho là một phần của mình.

Lại nữa, Bồ-tát từ vô lượng vô số kiếp lại đây, tu tập Mười lực, Bốn việc không sợ của Phật, đến khi ngồi dưới đạo thọ, được vô ngại giải thoát, cho nên tăng ích thanh tịnh; ví như đã lập công lao, vậy sau mới nhận lãnh thưởng công. Bồ-tát cũng như vậy. Có công đức ấy, mới nhận

lãnh danh ấy. Công đức ấy đều cùng với lực Bát-nhã Ba-la-mật hợp, nên không thấy hoặc tương ứng hoặc không tương ứng.

Các pháp nghĩa ấy, từ sáu Ba-la-mật cho đến trí nhất thiết chủng trước đã nói.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, không chẳng cùng không hợp, vô tướng chẳng cùng vô tướng hợp, vô tác chẳng cùng vô tác hợp. Vì sao? Vì không, vô tướng, vô tác không có hợp với chẳng hợp.

Xá lợi-phất, Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ứng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng.

LUẬN: Hỏi: Trong nhất tâm không có hai không, tại sao nói không chẳng cùng không hợp?

Đáp: Không có hai thứ: 1. Không tam-muội. 2. Pháp không. Không tam-muội không cùng pháp không hợp. Vì cớ sao? Vì nếu lấy lực Không tam-muội hợp với pháp không, thì pháp ấy chẳng phải tự tánh không.

Lại không là tánh tự không, chẳng phải từ nhân duyên sanh, nếu từ nhân duyên sanh, thì không gọi là tánh không. Hành giả hoặc khi vào tam-muội thấy không, khi ra tam-muội chẳng thấy không, nên biết ấy là cái “Không” hư vọng (chứ không phải tánh không - N D).

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: Trong không, không hợp không chẳng hợp; trong vô tướng, vô tác cũng như vậy. Xá-lợi-phất! Bồ-tát tu tập tương ứng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng.

Hỏi: Chỉ một chỗ nói, không thấy cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng không tương ứng cũng đủ, vì sao còn nói đến nhiều nhân duyên tương ứng không tương ứng? Nếu một chỗ đúng thì các chỗ khác đều đúng, nếu một chỗ không đúng thì các chỗ khác cũng không đúng; vì như một kẻ mù không thấy, thì ngàn kẻ mù đều không thấy?

Đáp: Không phải? Nếu muốn lấy hý luận cầu hơn thì nên vấn nạn như vậy. Tướng các pháp tuy chẳng thể nói. Phật vì lòng đại từ đại bi nên nhiều cách phương tiện nói.

Lại Phật thuyết pháp vì một hạng chúng sanh đặc độ, nếu ai chưa ngộ thì Phật nói lại.

Lại nói một lần để dứt kiết sử kiến đế đoạn. Nói lần thứ hai để dứt kiết sử tư duy đoạn, lại nói nữa để dứt từng phần các kiết sử khác.

Lại một lần nói có người đặc đạo Thanh văn, lại một lần nói gieo nhân duyên về đạo Bích-chi Phật, lại một lần nói phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại một lần nói hành sáu Ba-la-mật, lại một lần nói hành phương tiện được vô sanh nhẫn, lại một lần nói được sơ trụ địa,

lại một lần nói cho đến được trú địa thứ mười. Lại một lần nói cho người, lại một lần nói cho trời.

Lại nữa, tướng Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu, khó hiểu khó biết. Phật biết tâm chúng sanh căn có lợi độn; độn căn ít trí, vì họ nói lại. Nếu người lợi căn, thì một lần nói, hai lần nói, liền ngộ, không cần phải nói nhiều lần. Ví như ngựa hay, đánh một roi liền chạy, ngựa hèn đánh nhiều roi mới đi.

Các nhân duyên như vậy nên trong Kinh nói lập đi lập lại không lỗi.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật, vào tự tướng không của các pháp; vào rồi, sắc chẳng làm hợp, chẳng làm chẳng hợp; thọ, tưởng, hành, thức chẳng làm hợp, chẳng làm chẳng hợp. Sắc không cùng đời trước hợp. Vì cố sao? Vì không thấy đời trước; sắc không cùng đời sau hợp. Vì sao? Vì không thấy đời sau. Sắc không cùng hiện tại hợp. Vì sao? Vì không thấy hiện tại; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

LUÂN: Trước nói không, vô tướng, vô tác, không hợp, không chẳng hợp, nay lại nói nhân duyên. Vì vào tự tướng không, nên năm uẩn không làm hợp, không làm không hợp. Nếu hết thấy pháp tự tướng không, trong ấy không có hợp chẳng hợp

Hợp là các pháp đúng như tướng nó. Như đất tướng cứng, thức tướng biết, tự tướng như vậy, không ở nơi pháp khác, ấy gọi là hợp.

Chẳng hợp là tự tướng không ở trong tự pháp.

Lược nói các pháp không tăng không giảm. Sắc, chẳng nói cùng đời trước hợp. Vì sao? Vì đời trước không, không có gì, chỉ có danh tự. Nếu sắc đi vào quá khứ, thì diệt mất không có gì, làm sao cùng đời trước hợp? Đời sau là chưa có, chưa sanh, sắc không nên cùng đời sau hợp. Sắc hiện tại sanh diệt không ngừng, không thể chấp thủ tướng nó, sắc không thể cùng hiện tại hợp.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: sắc chẳng cùng đời trước hợp, chẳng phải không hợp. Vì sao? Vì đời trước không thể thấy; sắc chẳng cùng đời sau hợp, chẳng phải không hợp. Vì sao? Vì đời sau không thể thấy; sắc chẳng cùng hiện tại hợp, chẳng phải không hợp. Vì sao? Vì hiện tại không thể thấy; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, Xá-lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, đời trước không cùng đời sau hợp, đời sau không cùng đời trước hợp, hiện tại không cùng đời trước đời sau hợp, đời trước đời sau không cùng hiện tại hợp, vì tên ba đời không vậy.

Xá lợi-phất! Bồ-tát ma-ha-tát tu tập tương ứng như vậy, ấy gọi là cùng Bát-nhã Ba-la-mật tương ứng.

LUẬN: Thế nào đời trước đời sau hợp?

Đáp: Có người nói các pháp ba đời đều có, pháp vị lai chuyển làm hiện tại, hiện tại chuyển làm quá khứ, như cục bùn là hiện tại, bình là vị lai, đất là quá khứ. Nếu khi thành bình thì bình là hiện tại, cục bùn là quá khứ, bình vỡ là vị lai. Như vậy là hợp, nếu có tướng ba đời, thì việc ấy không đúng, vì có nhiều lỗi, ấy là chẳng hợp.

Lại nữa, ba đời hợp là như pháp quá khứ làm nhân cho đời quá khứ, vị lai, hiện tại; pháp hiện tại làm nhân cho đời hiện tại, vị lai; pháp vị lai làm nhân cho đời vị lai.

Lại tâm tâm số pháp quá khứ duyên pháp ba đời, tâm tâm số pháp vị lai, hiện tại cũng như vậy. Tâm tâm số pháp gián đoạn có thể duyên pháp không gián đoạn, tâm tâm số pháp không gián đoạn có thể duyên pháp khả đoạn. Các pháp ba đời như vậy, do nhân duyên nghiệp quả cùng nhau hòa hợp, ấy gọi là hợp. Bồ-tát không làm sự hợp ấy. Vì sao? Vì như trước nói, quá khứ đã diệt làm sao có thể làm nhân làm duyên; vị lai chưa có làm sao có thể làm nhân làm duyên; hiện tại cho đến trong một niệm cũng không an trú, làm sao làm nhân, duyên; ấy gọi là không hợp.

Lại nữa, Phật tự nói nhân duyên: ba đời và tên gọi ba đời đều không, thì làm sao nói hợp.

